

DANH SÁCH
xếp phụ cấp chức danh, mức hỗ trợ đối với Tổ trưởng, Phó Tổ trưởng
các tổ dân phố thuộc phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Quyết định số 2917/QĐ-UBND, ngày 17/7/2026 của UBND phường Trần Lâm)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ chức danh đảm nhận	Mức hỗ trợ bằng đại học	Tổng phụ cấp và mức hỗ trợ	Thời điểm thực hiện
I	CHỨC DANH TỔ TRƯỞNG						
1	Phạm Hữu Tình	29/4/1987	số 1	3		3	01/7/2026
2	Trần Đình Thi	20/10/1982	số 2	3		3	01/7/2026
3	Đinh Văn Toàn	25/02/1970	số 3	3		3	01/7/2026
4	Trần Văn Bảo	20/10/1964	số 4	3		3	01/7/2026
5	Trần Ích Hưng	27/01/1971	số 5	3		3	01/7/2026
6	Bùi Duy Khánh	05/4/1992	số 6	3	0.5	3.5	01/7/2026
7	Nguyễn Duy Châu	06/02/1980	số 7	3		3	01/7/2026
8	Phan Văn Hiếu	23/4/1995	số 8	3	0.5	3.5	01/7/2026
9	Nguyễn Văn Viên	26/7/1974	số 9	3		3	01/7/2026
10	Đỗ Văn Phong	13/8/1965	số 10	3	0.5	3.5	01/7/2026
11	Nguyễn Văn Đích	23/5/1965	số 11	3	0.5	3.5	01/7/2026
12	Trần Quốc Anh	04/3/1992	số 1 - Kỳ Bá	3	0.5	3.5	01/7/2026
13	Nguyễn Văn Thịnh	04/11/1964	số 2 - Kỳ Bá	3		3	01/7/2026
14	Nguyễn Trọng Đan	21/11/1968	số 3 - Kỳ Bá	3	0.5	3.5	01/7/2026
15	Phạm Thị Thủy	28/4/1980	số 5 - Kỳ Bá	3	0.5	3.5	01/7/2026
16	Lê Ngọc Dũng	01/3/1964	số 6 - Kỳ Bá	3		3	01/7/2026
17	Vũ Minh Hiếu	08/11/1999	số 7 - Kỳ Bá	3		3	01/7/2026
18	Phạm Văn Hôn	21/01/1987	Trường Hải	3	0.5	3.5	01/7/2026
19	Vũ Thế Minh	21/02/1989	Tổng Vũ	3		3	01/7/2026
20	Nguyễn Thế Thành	21/6/1979	Tổng Văn	3		3	01/7/2026
21	Phạm Trương Toàn	16/01/1990	Tam Lạc	3		3	01/7/2026
22	Hoàng Văn Sơn	26/9/1983	Thượng Cầm	3		3	01/7/2026

STT	Họ và tên	Năm sinh	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ chức danh đảm nhận	Mức hỗ trợ bằng đại học	Tổng phụ cấp và mức hỗ trợ	Thời điểm thực hiện
23	Nguyễn Thị Hằng	24/9/1988	Nguyễn Trãi	3	0.5	3.5	01/7/2026
24	Nguyễn Văn Tiến	22/7/1978	Nguyễn Du	3		3	01/7/2026
25	Vũ Văn Hà	01/5/1971	Quang Trung	3		3	01/7/2026
26	Nguyễn Văn Tương	03/3/1979	Hưng Đạo	3		3	01/7/2026
27	Nguyễn Thế Điệp	27/10/1992	Đổng Đa	3	0.5	3.5	01/7/2026
28	Vũ Văn Đồi	16/9/1981	Mê Linh	3	0.5	3.5	01/7/2026
29	Nguyễn Huy Tuân	13/6/1987	Bạch Đằng	3		3	01/7/2026
30	Nguyễn Trung Hiếu	24/5/1988	Lam Sơn	3	0.5	3.5	01/7/2026
31	Đặng Xuân Định	15/12/1992	Vân Động	3		3	11/7/2026
II	CHỨC DANH PHÓ TỔ TRƯỞNG						
1	Nguyễn Thành Trung	1988	TDP số 4 - Kỳ Bá	1.2		1.2	01/7/2026
2	Bùi Thị Bình	1956	TDP số 8 - Kỳ Bá	1.2		1.2	01/7/2026
3	Nguyễn Thanh Trà	1958	TDP Hùng Thắng	1.2		1.2	01/7/2026
4	Nguyễn Trung San	1964	TDP Vân Động	1.2		1.2	01/7/2026
5	Phạm Văn Huân	1963		1.2		1.2	01/7/2026
6	Bùi Văn Sơn	1963	TDP Đổng Đa 2	1.2		1.2	01/7/2026
7	Phạm Ngọc Tăng	20/12/1960	số 1	1.2		1.2	11/7/2026
8	Lê Văn Hai	05/10/1964	số 2	1.2		1.2	11/7/2026
9	Vũ Đức Toàn	08/10/1960	số 3	1.2		1.2	11/7/2026
10	Vũ Sỹ Hưng	28/01/1979	số 4	1.2		1.2	11/7/2026
11	Trần Công Quyền	26/9/1957	số 5	1.2		1.2	11/7/2026
12	Nguyễn Doãn Chiến	27/02/1966	số 6	1.2		1.2	11/7/2026
13	Phan Ngọc Lâm	07/3/1994	số 7	1.2		1.2	11/7/2026
14	Nguyễn Văn Hùng	10/6/1965	số 8	1.2		1.2	11/7/2026
15	Vũ Văn Du	07/3/1965	số 9	1.2		1.2	11/7/2026
16	Lều Thị Dung	10/3/1969	số 10	1.2		1.2	11/7/2026
17	Nguyễn Huy Tường	25/12/1956	số 11	1.2		1.2	11/7/2026

STT	Họ và tên	Năm sinh	Tổ dân phố	Mức hỗ trợ chức danh đảm nhận	Mức hỗ trợ bằng đại học	Tổng phụ cấp và mức hỗ trợ	Thời điểm thực hiện
18	Nguyễn Thị Hương	02/3/1979	số 1 - Kỳ Bá	1.2		1.2	11/7/2026
19	Trần Văn Lãng	3/11/1966	số 2 - Kỳ Bá	1.2		1.2	11/7/2026
20	Nguyễn Thị Thu	15/7/1963	số 3 - Kỳ Bá	1.2		1.2	11/7/2026
21	Bùi Thọ Thực	10/10/1958	số 5 - Kỳ Bá	1.2		1.2	11/7/2026
22	Tổng Thị Nhu	09/9/1960	số 6 - Kỳ Bá	1.2		1.2	11/7/2026
23	Nguyễn Hoàng Hiệp	30/3/1989	số 7 - Kỳ Bá	1.2		1.2	11/7/2026
24	Trần Đình Tụ	16/10/1963	Vũ Chính	1.2		1.2	11/7/2026
25	Nguyễn Đức Huyền	08/02/1966	Trường Hải	1.2		1.2	11/7/2026
26	Phạm Xuân Hiến	25/5/1989	Tổng Vũ	1.2		1.2	11/7/2026
27	Nguyễn Thùy Oanh	12/10/1966	Tổng Văn	1.2		1.2	11/7/2026
28	Nguyễn Mạnh Cường	10/11/1969	Tam Lạc	1.2		1.2	11/7/2026
29	Đỗ Xuân Như	13/8/1962	Tam Lạc	1.2		1.2	11/7/2026
30	Nguyễn Đình Miên	03/10/1956	Thượng Cầm	1.2		1.2	11/7/2026
31	Nguyễn Đình Luyện	12/12/1967	Thượng Cầm	1.2		1.2	11/7/2026
32	Đào Minh Thỏa	23/7/1963	Nguyễn Trãi	1.2		1.2	11/7/2026
33	Trần Văn Thuận	01/01/1959	Nguyễn Du	1.2		1.2	11/7/2026
34	Trần Đức Thiện	08/10/1965	Quang Trung	1.2		1.2	11/7/2026
35	Vũ Xuân Đệ	15/5/1963	Hưng Đạo	1.2		1.2	11/7/2026
36	Bùi Quang Hiến	02/7/1980	Đổng Đa	1.2		1.2	11/7/2026
37	Vũ Đức Tiến	07/7/1962	Mê Linh	1.2		1.2	11/7/2026
38	Trần Văn Huỳnh	19/8/1983	Mê Linh	1.2		1.2	11/7/2026
39	Bùi Quang Trung	08/3/1966	Bạch Đằng	1.2		1.2	11/7/2026
40	Bùi Văn Khuynh	9/6/1982	Lam Sơn	1.2		1.2	11/7/2026
41	Bùi Văn Thuyết	16/7/1972	Lam Sơn	1.2		1.2	11/7/2026